

Số: 14 /2026/TTLT-BCA- BQP -
VKSNĐTC

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2026

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Quy định trình tự, thủ tục tố tụng và quan hệ phối hợp
trong giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố
các vụ án vi phạm pháp luật về đất đai của tổ chức, cá nhân
theo quy định tại Nghị quyết số 29/2026/QH16 của Quốc hội**

Căn cứ Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14, Luật số 59/2024/QH15 và Luật số 86/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15; Luật số 99/2025/QH15; Luật số 103/2025/QH15, Luật số 105/2025/QH15, Luật số 106/2025/QH15, Luật số 128/2025/QH15 và Luật số 11/2026/QH16;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù để xử lý vi phạm pháp luật về đất đai của tổ chức, cá nhân xảy ra trước khi Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài;

Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao thống nhất ban hành Thông tư liên tịch quy định trình tự, thủ tục tố tụng và quan hệ phối hợp trong giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố các vụ án vi phạm pháp luật về đất đai của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Nghị quyết số 29/2026/QH16 của Quốc hội.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư liên tịch này quy định về nguyên tắc thực hiện, trình tự, thủ tục tố tụng và quan hệ phối hợp trong giải quyết nguồn tin về tội phạm (sau đây viết gọn là vụ việc), khởi tố, điều tra, truy tố để xem xét áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù về: Không truy cứu trách nhiệm hình sự; tạm hoãn truy cứu trách

nhiệm hình sự; miễn trách nhiệm hình sự; không khởi tố vụ án hình sự; tạm đình chỉ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra vụ án; tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra đối với bị can; quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù để xử lý vi phạm pháp luật về đất đai của tổ chức, cá nhân xảy ra trước khi Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 29/2026/QH16).

2. Việc áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù trong giai đoạn xét xử và thi hành án hình sự được thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 29/2026/QH16, Bộ luật Tố tụng hình sự, pháp luật về thi hành án hình sự và Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐTP ngày 18 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về cơ chế, chính sách đặc thù thuộc thẩm quyền giải quyết, xét xử vi phạm pháp luật về đất đai quy định tại Nghị quyết số 29/2026/QH16 của Quốc hội (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐTP).

3. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù về xử lý vi phạm pháp luật về đất đai tại Nghị quyết số 29/2026/QH16 được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Thông tư liên tịch này và các quy định của các Thông tư liên tịch khác của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao không trái với Thông tư liên tịch này.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Đảm bảo đúng nguyên tắc thực hiện được quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 29/2026/QH16. Nghiêm cấm lợi dụng việc áp dụng các quy định của Nghị quyết số 29/2026/QH16 để bao che hành vi vi phạm, hợp pháp hóa sai phạm, trốn tránh trách nhiệm pháp lý hoặc trục lợi chính sách; mọi hành vi vi phạm phải được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

2. Việc thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù phải bảo đảm đúng đối tượng, đủ điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 29/2026/QH16 và Thông tư liên tịch này.

3. Việc xem xét, áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù để xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải gắn với việc giải quyết khó khăn, vướng mắc của dự án, công trình, bảo đảm khắc phục hậu quả thiệt hại và không làm đình trệ việc tiếp tục thực hiện, hoàn thành, khai thác, sử dụng dự án, công trình khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp một người thực hiện nhiều hành vi phạm tội trong cùng một vụ việc, vụ án, trong đó chỉ có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 29/2026/QH16 thì cơ chế, chính sách đặc thù

được áp dụng để xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật về đất đai; việc xử lý các hành vi phạm tội khác được thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp trong cùng một vụ án có nhiều bị can, trong đó có một hoặc một số bị can thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 29/2026/QH16 thì việc áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù chỉ thực hiện đối với một hoặc một số bị can đó; việc điều tra, truy tố vụ án vẫn được tiến hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

6. Việc phối hợp thực hiện giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả trong việc xác định các điều kiện, trình tự, thủ tục áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù; bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện.

Điều 3. Văn bản, tài liệu làm căn cứ áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù

Việc xem xét áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Nghị quyết số 29/2026/QH16 được thực hiện trên cơ sở văn bản, kết luận của các cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 29/2026/QH16 cùng tài liệu, chứng cứ được Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đang thụ lý giải quyết vụ việc, điều tra vụ án, Viện kiểm sát thu thập, kiểm tra, xác minh theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Thông tư liên tịch này, cụ thể:

1. Văn bản, tài liệu của Chính phủ, các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật kết luận:

a) Vụ việc, vụ án vi phạm pháp luật về đất đai xảy ra trước ngày 01/8/2024 nhưng không tham nhũng; trường hợp thực hiện nhiều hành vi vi phạm pháp luật thì phải xác định rõ hành vi vi phạm pháp luật về đất đai không phải là hành vi tham nhũng;

b) Người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về đất đai không gây thất thoát, lãng phí tài sản nhà nước; trường hợp có gây thất thoát, lãng phí tài sản nhà nước thì phải xác định cụ thể giá trị thiệt hại.

Trường hợp có sự khác nhau trong việc xác định giá trị thiệt hại thì Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đang thụ lý giải quyết vụ việc, điều tra vụ án căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thu thập, kết luận định giá tài sản, kết luận giám định hoặc thực hiện việc định giá, giám định theo quy định của pháp luật để xác định giá trị thiệt hại làm căn cứ xem xét áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù.

2. Văn bản, tài liệu của Chính phủ, các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác đánh giá, xác định:

a) Hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của dự án, công trình đã triển khai;

b) Khả năng, phương án, điều kiện khắc phục hậu quả thiệt hại do các hành vi vi phạm gây ra;

c) Kết quả, mức độ khắc phục hậu quả thiệt hại do các hành vi vi phạm gây ra;

d) Xác định không có khiếu nại, tố cáo hoặc có khiếu nại, tố cáo nhưng đã được giải quyết dứt điểm theo quy định hoặc đang có khiếu nại, tố cáo nhưng khiếu nại, tố cáo đó không liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Khi xem xét áp dụng cơ chế tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 6 Nghị quyết số 29/2026/QH16, ngoài các tài liệu quy định tại khoản 1, khoản 2 (trừ điểm d) Điều này hồ sơ còn phải có:

a) Phương án khắc phục hậu quả thiệt hại của người thực hiện hành vi vi phạm, tổ chức, cá nhân liên quan, trong đó xác định biện pháp, tiến độ, nguồn lực và thời hạn thực hiện phù hợp với thời hạn tạm đình chỉ theo quy định của Nghị quyết số 29/2026/QH16;

b) Cam kết của người thực hiện hành vi vi phạm, tổ chức, cá nhân liên quan về việc tiếp tục thực hiện dự án, công trình và khắc phục hậu quả thiệt hại theo đúng phương án, lộ trình, biện pháp và thời hạn hoàn thành. Kèm theo cam kết phải có tài liệu, căn cứ chứng minh khả năng khắc phục hậu quả thiệt hại; trường hợp chưa khắc phục được hậu quả thiệt hại do nguyên nhân khách quan thì phải có bản giải trình và có tài liệu chứng minh;

c) Văn bản, tài liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đánh giá, xác nhận khả năng tiếp tục thực hiện dự án, công trình và khả năng hoàn thành việc khắc phục hậu quả thiệt hại theo phương án đã cam kết;

d) Văn bản, tài liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện phương án khắc phục hậu quả thiệt hại đến thời điểm xem xét áp dụng cơ chế tạm hoãn, kết thúc thời gian thực hiện cơ chế tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Văn bản, tài liệu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này phải được lập, ban hành hoặc cung cấp đúng thẩm quyền, thể hiện rõ căn cứ và nội dung liên quan đến việc xem xét áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù. Cơ quan, tổ chức, cá nhân lập, ban hành hoặc cung cấp văn bản, tài liệu chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và hợp pháp của văn bản, tài liệu theo quy định của pháp luật.

5. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đang thụ lý giải quyết vụ việc, điều tra vụ án có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá văn bản, tài liệu, chứng cứ quy định tại Điều này; trường hợp cần thiết thì yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giải thích, bổ sung hoặc tiến hành thu thập, kiểm tra, xác minh theo thẩm quyền.

6. Văn bản, tài liệu và chứng cứ làm căn cứ áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù được lưu trong hồ sơ vụ việc, vụ án theo quy định của pháp luật. Trường hợp phát sinh tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi căn cứ áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đang thụ lý, giải quyết xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG THỰC HIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ

Điều 4. Xác định điều kiện và xem xét áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù

1. Trong quá trình giải quyết vụ việc, điều tra vụ án khi có căn cứ xác định vụ việc, vụ án có dấu hiệu thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 29/2026/QH16 thì Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đang thụ lý giải quyết vụ việc, điều tra vụ án có trách nhiệm rà soát, thu thập, kiểm tra và đánh giá các tài liệu quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch này. Trong giai đoạn truy tố, Viện kiểm sát có trách nhiệm chủ trì việc rà soát, đánh giá các điều kiện áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù theo thẩm quyền quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 29/2026/QH16 và Thông tư liên tịch này.

Việc rà soát, xác định điều kiện áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù được thực hiện trong thời hạn giải quyết vụ việc hoặc thời hạn điều tra theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Trường hợp tài liệu chưa đầy đủ hoặc chưa đủ căn cứ xác định các điều kiện quy định tại Điều 5, Điều 6 hoặc Điều 7 Nghị quyết số 29/2026/QH16 thì Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đang thụ lý giải quyết vụ việc, điều tra vụ án yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp, bổ sung tài liệu hoặc tiến hành các hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Việc yêu cầu phải xác định rõ nội dung, tài liệu cần cung cấp và thời hạn thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Viện kiểm sát trong quá trình thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết vụ việc, điều tra vụ án có trách nhiệm kiểm sát việc thu thập, đánh giá tài liệu; trường hợp xét thấy chưa đủ căn cứ thì yêu cầu Cơ quan điều tra bổ sung tài liệu hoặc tiến hành các hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

4. Khi có đủ căn cứ xác định thuộc trường hợp quy định tại Điều 5, Điều 6 hoặc Điều 7 Nghị quyết số 29/2026/QH16, Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đang thụ lý giải quyết vụ việc, điều tra vụ án có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xem xét, quyết định việc áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù theo thẩm quyền quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 29/2026/QH16 và Thông tư liên tịch này.

Việc kiểm tra, đánh giá đối với các văn bản, tài liệu quy định tại Điều 3 nhằm xác định căn cứ áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự không thay thế thẩm quyền xác định, đánh giá của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành và Nghị quyết số 29/2026/QH16.

5. Các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đáp ứng điều kiện áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù được lưu trong hồ sơ giải quyết vụ việc, vụ án là căn cứ để Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng xem xét, quyết định theo thẩm quyền, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 29/2026/QH16 và Thông tư liên tịch này.

Điều 5. Trình tự, thủ tục xem xét áp dụng cơ chế không truy cứu trách nhiệm hình sự và miễn trách nhiệm hình sự

1. Trong quá trình giải quyết vụ việc, điều tra vụ án, nếu có căn cứ xác định người thực hiện hành vi vi phạm thuộc trường hợp quy định tại Điều 5 hoặc Điều 7 Nghị quyết số 29/2026/QH16 thì Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đang thụ lý giải quyết vụ việc, điều tra vụ án có trách nhiệm xem xét việc áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù theo thẩm quyền. Trường hợp vụ án đang được Viện kiểm sát thụ lý để thực hành quyền công tố và quyết định việc truy tố thì Viện kiểm sát có trách nhiệm xem xét, quyết định việc áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù theo thẩm quyền.

2. Trên cơ sở hồ sơ vụ việc, vụ án, Cơ quan điều tra có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá đối với vụ việc, vụ án đang do Cơ quan điều tra giải quyết, điều tra; Viện kiểm sát kiểm tra, đánh giá đối với vụ việc, vụ án đang ở giai đoạn truy tố, cụ thể:

a) Việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 5 hoặc Điều 7 Nghị quyết số 29/2026/QH16;

b) Tính đầy đủ, hợp pháp và giá trị chứng minh của tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ;

c) Sự phù hợp giữa tài liệu, chứng cứ với nội dung đề xuất áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù.

3. Trường hợp xét thấy chưa đủ căn cứ áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù, trong giai đoạn giải quyết vụ việc hoặc điều tra vụ án, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ hoặc tiến hành hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong giai đoạn truy tố, Viện kiểm sát thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; trường hợp cần thiết thì thực hiện quyền yêu cầu Cơ quan điều tra bổ sung tài liệu, chứng cứ hoặc quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

4. Trường hợp có đủ căn cứ áp dụng cơ chế quy định tại Điều 5 hoặc Điều 7 của Nghị quyết số 29/2026/QH16 thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát theo giai đoạn tố tụng, trong phạm vi thẩm quyền ban hành quyết định tố tụng tương ứng theo quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch này.

5. Viện kiểm sát trong quá trình thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết vụ việc, kiểm sát hoạt động điều tra vụ án có trách nhiệm kiểm sát việc xác định điều kiện áp dụng cơ chế, tính hợp pháp, có căn cứ của tài liệu, chứng cứ; trường

hợp xét thấy chưa đủ căn cứ thì yêu cầu Cơ quan điều tra bổ sung hoặc tiến hành hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

6. Việc xem xét áp dụng cơ chế không truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc miễn trách nhiệm hình sự phải được thể hiện trong hồ sơ vụ việc, vụ án và là căn cứ để ban hành quyết định tố tụng theo quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch này.

Điều 6. Trình tự, thủ tục xem xét áp dụng cơ chế tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự

1. Trong quá trình giải quyết vụ việc, điều tra vụ án, nếu có căn cứ xác định người thực hiện hành vi vi phạm thuộc trường hợp quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 29/2026/QH16 thì Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đang thụ lý giải quyết vụ việc, điều tra vụ án xem xét việc áp dụng cơ chế tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự theo thẩm quyền. Trường hợp vụ án đang được Viện kiểm sát thụ lý để thực hành quyền công tố và quyết định việc truy tố thì Viện kiểm sát xem xét, quyết định việc áp dụng cơ chế tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự theo thẩm quyền.

Việc xem xét, đánh giá phương án khắc phục hậu quả thiệt hại và các điều kiện áp dụng cơ chế tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự được thực hiện trong thời hạn tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Ngoài việc kiểm tra các điều kiện quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 29/2026/QH16, Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đang thụ lý, giải quyết vụ việc, vụ án, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, kiểm tra, đối chiếu các văn bản, tài liệu của cơ quan, người có thẩm quyền và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xác định:

a) Nội dung, tiến độ, thời hạn và kết quả thực hiện phương án khắc phục hậu quả thiệt hại đến thời điểm xem xét áp dụng cơ chế tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Việc tổ chức, cá nhân thực hiện hoặc tích cực thực hiện các nội dung đã cam kết;

c) Khả năng tiếp tục thực hiện dự án, công trình và khả năng, phương án, điều kiện khắc phục hậu quả thiệt hại theo các văn bản, tài liệu của cơ quan, người có thẩm quyền; trường hợp có cam kết của tổ chức, cá nhân có liên quan thì kiểm tra, đối chiếu cam kết và tài liệu chứng minh kèm theo.

3. Trường hợp tài liệu, văn bản quy định tại khoản 2 Điều này chưa đầy đủ hoặc có nội dung chưa rõ, Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đang thụ lý, giải quyết vụ việc, vụ án trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp, bổ sung tài liệu hoặc đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền cung cấp, giải thích, làm rõ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; việc yêu cầu, thu thập, kiểm tra, đánh giá tài liệu được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và pháp luật có liên quan.

4. Trường hợp xét thấy chưa đủ căn cứ áp dụng cơ chế tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự thì Cơ quan điều tra tiếp tục giải quyết vụ việc hoặc điều tra vụ án; trường hợp vụ án đang ở giai đoạn truy tố thì Viện kiểm sát xử lý theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

5. Trường hợp có đủ căn cứ áp dụng cơ chế tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự thì Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát, trong phạm vi thẩm quyền và tùy theo giai đoạn tố tụng thực hiện việc ban hành quyết định tố tụng theo quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch này.

6. Viện kiểm sát trong quá trình thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết vụ việc, điều tra vụ án có trách nhiệm kiểm sát việc xác định điều kiện áp dụng cơ chế tạm hoãn, việc thu thập, kiểm tra, đánh giá tài liệu, chứng cứ và việc theo dõi kết quả thực hiện phương án khắc phục hậu quả thiệt hại theo quy định của pháp luật. Trường hợp phát hiện việc thu thập, kiểm tra, đánh giá tài liệu chưa đầy đủ hoặc có vi phạm pháp luật thì thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Việc quyết định xử lý kết quả thực hiện phương án khắc phục hậu quả thiệt hại được thực hiện khi hết thời hạn tạm đình chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 29/2026/QH16 và Điều 9 Thông tư liên tịch này.

7. Việc xem xét áp dụng cơ chế tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự phải được thể hiện trong hồ sơ giải quyết vụ việc, vụ án và là căn cứ để theo dõi, kiểm tra việc thực hiện phương án khắc phục hậu quả thiệt hại theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư liên tịch này.

Điều 7. Theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện phương án khắc phục hậu quả thiệt hại trong thời gian tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự

1. Trong thời gian tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 29/2026/QH16, Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đang thụ lý giải quyết vụ việc, điều tra vụ án có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện phương án khắc phục hậu quả thiệt hại của tổ chức, cá nhân được áp dụng cơ chế tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự theo hiệu quả thực tế thực hiện trong cam kết đã được chấp thuận và các tài liệu, văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền, kịp thời xem xét xử lý khi có căn cứ xác định không còn đáp ứng điều kiện tiếp tục áp dụng cơ chế tạm hoãn.

Trường hợp vụ án đã chuyển sang giai đoạn truy tố thì trách nhiệm theo dõi, kiểm tra được thực hiện theo thẩm quyền của Viện kiểm sát; trường hợp vụ án đã được Tòa án thụ lý thì thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐTP.

2. Việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá được thực hiện thông qua việc yêu cầu tổ chức, cá nhân báo cáo bằng văn bản; yêu cầu cơ quan, tổ chức có liên quan

cung cấp thông tin, tài liệu; tiếp nhận tài liệu do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp và thực hiện việc kiểm tra, xác minh theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân được áp dụng cơ chế tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự có trách nhiệm thực hiện đúng phương án, tiến độ đã cam kết; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền, định kỳ hoặc theo yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện và cung cấp tài liệu chứng minh việc khắc phục hậu quả thiệt hại. Trường hợp không thực hiện, thực hiện không đúng tiến độ hoặc không đúng nội dung phương án đã cam kết mà không có lý do chính đáng thì Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát đang thụ lý, giải quyết vụ việc, điều tra vụ án trong phạm vi thẩm quyền xem xét việc xử lý theo quy định tại Điều 9 Thông tư liên tịch này.

4. Kết quả theo dõi, kiểm tra, đánh giá phải được lập thành văn bản, đưa vào hồ sơ giải quyết vụ việc hoặc hồ sơ vụ án và là căn cứ để xem xét xử lý khi hết thời hạn tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Thông tư liên tịch này.

5. Viện kiểm sát có trách nhiệm kiểm sát việc theo dõi, kiểm tra kết quả thực hiện phương án khắc phục hậu quả thiệt hại quy định tại Điều này; trường hợp phát hiện việc theo dõi, kiểm tra không đầy đủ hoặc có vi phạm pháp luật thì thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 8. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định tố tụng quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 29/2026/QH16

1. Trường hợp có đủ căn cứ không truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 29/2026/QH16 thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đang thụ lý, giải quyết vụ việc, vụ án ban hành quyết định tố tụng tương ứng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, cụ thể:

a) Trong giai đoạn giải quyết vụ việc, Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đang thụ lý giải quyết vụ việc ban hành quyết định không khởi tố vụ án hình sự;

b) Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra ban hành quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự hoặc quyết định đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự;

c) Trong giai đoạn truy tố, Viện kiểm sát ban hành quyết định đình chỉ vụ án hoặc đình chỉ vụ án đối với bị can theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Trường hợp có đủ căn cứ tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 29/2026/QH16 thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đang thụ lý, giải quyết vụ việc, vụ án ban hành quyết định tố tụng tương ứng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, cụ thể:

a) Trong giai đoạn giải quyết vụ việc, Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đang thụ lý giải quyết vụ việc ban hành quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố;

b) Trong giai đoạn điều tra vụ án, Cơ quan điều tra ban hành quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự hoặc quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự;

c) Trong giai đoạn truy tố, Viện kiểm sát ban hành quyết định tạm đình chỉ vụ án hoặc tạm đình chỉ vụ án đối với bị can theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự;

d) Thời hạn tạm đình chỉ được thực hiện theo thời hạn quy định tại Nghị quyết số 29/2026/QH16.

3. Trước khi ban hành các quyết định quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải:

a) Rà soát, đánh giá đầy đủ các điều kiện áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù theo quy định tại Điều 5 hoặc Điều 6 Nghị quyết số 29/2026/QH16;

b) Hoàn thành việc thu thập, kiểm tra, đánh giá tài liệu, chứng cứ và việc xem xét điều kiện áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Thông tư liên tịch này;

c) Trường hợp cần thiết cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chủ trì trao đổi với cơ quan có liên quan để bảo đảm việc áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù đúng điều kiện, đúng thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật.

4. Sau khi ban hành quyết định quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện việc gửi, thông báo hoặc tổng đạt quyết định theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; trường hợp cần thiết, gửi quyết định cho cơ quan, tổ chức có liên quan để phối hợp thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Khi áp dụng cơ chế không truy cứu trách nhiệm hình sự, tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc miễn trách nhiệm hình sự, việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ hoặc tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế đối với người đang bị áp dụng biện pháp đó được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, căn cứ vào tính chất, mức độ cần thiết của từng biện pháp và phù hợp với quyết định tố tụng được ban hành. Trường hợp tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự, việc xem xét các biện pháp này phải bảo đảm không cản trở việc thực hiện phương án khắc phục hậu quả và đáp ứng yêu cầu của tố tụng hình sự.

Điều 9. Trình tự, thủ tục xử lý trong thời gian tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự và khi hết thời hạn tạm đình chỉ

1. Trong thời gian thực hiện tạm hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự, trường hợp xác định người có hành vi vi phạm và tổ chức, cá nhân có liên quan không thực hiện hoặc thực hiện không đúng tiến độ, nội dung, phương án khắc phục hậu quả thiệt hại đã cam kết mà không có lý do chính đáng thì cơ quan đã ban hành

quyết định tạm đình chỉ xem xét phục hồi và tiếp tục giải quyết vụ việc, vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 29/2026/QH16.

2. Trường hợp chưa hết thời hạn tạm đình chỉ mà đã khắc phục được toàn bộ hậu quả thiệt hại thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đang thụ lý, giải quyết có trách nhiệm kiểm tra, xác định, ghi nhận kết quả khắc phục, hoàn thiện hồ sơ và thực hiện việc phối hợp theo Điều 10 Thông tư liên tịch này để xem xét xử lý theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 29/2026/QH16.

3. Hết thời hạn tạm đình chỉ, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng căn cứ kết quả thực hiện phương án khắc phục hậu quả thiệt hại, các văn bản, tài liệu của cơ quan, người có thẩm quyền và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xử lý như sau:

a) Trường hợp đã khắc phục được toàn bộ hậu quả thiệt hại thì thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 29/2026/QH16;

b) Trường hợp không khắc phục được toàn bộ hậu quả thiệt hại thì thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; kết quả, mức độ, tỷ lệ khắc phục hậu quả thiệt hại và các tài liệu, chứng cứ có liên quan được ghi nhận trong hồ sơ vụ việc, vụ án để làm căn cứ xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình xử lý quy định tại Điều này theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Thông tư liên tịch này.

5. Trường hợp vụ án đã được chuyển sang Viện kiểm sát hoặc đã được Viện kiểm sát truy tố, việc xử lý kết quả khắc phục hậu quả thiệt hại và các tài liệu, chứng cứ phát sinh được thực hiện theo thẩm quyền của Viện kiểm sát và quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trường hợp vụ án đã được Tòa án thụ lý thì các tài liệu, chứng cứ về kết quả khắc phục hậu quả thiệt hại được chuyển giao, cung cấp cho Tòa án để xem xét theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 29/2026/QH16 và Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐTP.

Điều 10. Phối hợp trong việc xem xét áp dụng cơ chế không khởi tố vụ án hình sự, tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, tạm đình chỉ điều tra và tạm đình chỉ vụ án

1. Trong quá trình giải quyết vụ việc, điều tra vụ án hình sự, nếu có căn cứ xác định vụ việc có dấu hiệu thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 29/2026/QH16 thì Cơ quan điều tra chủ trì rà soát; Viện kiểm sát có thẩm quyền phối hợp đánh giá điều kiện áp dụng theo quy định của pháp luật; cơ quan có thẩm quyền có liên quan phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Trường hợp vụ án đã được chuyển sang Viện kiểm sát có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật mà phát sinh căn cứ xem xét áp dụng chính sách

của Nghị quyết số 29/2026/QH16 thì Viện kiểm sát chủ trì việc rà soát, Cơ quan điều tra phối hợp để đánh giá tài liệu, chứng cứ đã thu thập. Trường hợp cần thiết, Viện kiểm sát có thẩm quyền yêu cầu Cơ quan điều tra bổ sung tài liệu, chứng cứ về nội dung chưa rõ hoặc phối hợp làm việc với cơ quan quản lý nhà nước, giải trình các vấn đề có liên quan; việc yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

3. Trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đang thụ lý giải quyết vụ việc, điều tra vụ án chủ trì trao đổi bằng văn bản với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng liên quan; cơ quan được đề nghị có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và tài liệu có liên quan. Trường hợp cần thiết tổ chức họp thì phải lập biên bản, ghi rõ ý kiến của các bên và kết quả trao đổi.

4. Trường hợp các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng còn có ý kiến khác nhau về việc đánh giá điều kiện áp dụng chính sách của Nghị quyết số 29/2026/QH16 thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đang thụ lý vụ việc, vụ án chủ trì trao đổi, thống nhất. Trường hợp không thống nhất được thì cơ quan đang thụ lý vụ việc, vụ án quyết định theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và pháp luật có liên quan.

5. Trường hợp cần có ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đánh giá về dự án, công trình, hiệu quả kinh tế - xã hội, kết quả khắc phục hậu quả thiệt hại hoặc các nội dung khác liên quan đến điều kiện áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đang thụ lý vụ việc, vụ án chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thu thập, xác minh, làm rõ theo thẩm quyền. Các tài liệu, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp phục vụ việc xem xét áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù phải được kiểm tra, đánh giá cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ việc, vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

6. Việc phối hợp thực hiện quy định tại Điều này không làm thay đổi thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 29/2026/QH16.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2026.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư liên tịch này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Việc ban hành các quyết định tổ tụng quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch này thực hiện theo biểu mẫu tổ tụng hình sự hiện hành, phần căn cứ của quyết định phải bổ sung quy định tương ứng của Nghị quyết số 29/2026/QH16 nếu biểu mẫu chưa có.

Điều 12. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các quyết định tổ tụng quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch này đã được ban hành theo Nghị quyết số 29/2026/QH16 trước ngày Thông tư liên tịch này có hiệu lực thì tiếp tục được thực hiện. Việc xử lý trước khi hết thời hạn hoặc khi hết thời hạn được thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 29/2026/QH16, Bộ luật Tố tụng hình sự và Thông tư liên tịch này.

2. Đối với vụ việc, vụ án thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 29/2026/QH16 đang được giải quyết trước ngày Thông tư liên tịch này có hiệu lực mà chưa ban hành quyết định tổ tụng quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch này thì việc xem xét, áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù được thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 29/2026/QH16, Bộ luật Tố tụng hình sự và Thông tư liên tịch này. Trường hợp vụ án đã được Tòa án thụ lý thì việc áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù trong giai đoạn xét xử được thực hiện theo Nghị quyết số 29/2026/QH16 và Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐTP.

3. Hồ sơ, tài liệu, chứng cứ đã được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thu thập trước ngày Thông tư liên tịch này có hiệu lực mà phù hợp với quy định của Nghị quyết số 29/2026/QH16 được tiếp tục sử dụng; trường hợp chưa đầy đủ thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng tiếp tục thu thập, bổ sung theo quy định của Thông tư liên tịch này.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư liên tịch này, kịp thời trao đổi để thống nhất việc giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh theo quy định của pháp luật.

2. Việc thống kê, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Thông tư liên tịch này thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và chế độ thống kê của bộ, ngành mình, không làm phát sinh chế độ báo cáo riêng, trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền yêu cầu theo quy định của pháp luật. Việc chuyển giao các văn bản trên môi trường điện tử, tổng hợp, khai thác, sử dụng, kết nối và chia sẻ số liệu, thông tin phải bảo đảm thống nhất, chính xác, kịp thời, đúng mục đích và tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu, lưu trữ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề mới chưa được quy định trong Thông tư liên tịch này thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và Viện kiểm sát nhân dân tối cao để được hướng dẫn hoặc tổng hợp, nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch khi cần thiết./.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC**



Hồ Đức Anh

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ QUỐC PHÒNG
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Nguyễn Văn Gấu

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ CÔNG AN
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Nguyễn Văn Long

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật, Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Bộ Công an; Bộ Quốc phòng; Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử các bộ, ngành: Bộ Công an; Bộ Quốc phòng; Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Lưu: VT (BCA, BQP, VKSNDTC).